DẠNG 5: BÀI TẬP VỀ CÁC ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 1km = ☐☐☐ hm

b) 1hm = ☐☐☐ dam

c) 1km = ☐☐☐ dam

d) 1hm = ☐☐☐ m

e) 1km = ☐☐☐ m

g) 1dam = ☐☐☐ m

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 5km = ☐☐☐ m

b) 6m = ☐☐☐ dm

c) 20cm = ☐☐☐ mm

d) 3m = ☐☐☐ cm

e) 4cm = ☐☐☐ mm

g) 2dm = ☐☐☐ mm

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 8km 6hm = ☐☐☐ hm

b) 5km 25dam = ☐☐☐ dam

c) 7hm 8m = ☐☐☐ m

d) 16hm 9dam = ☐☐☐ dam

e) 3km 7hm = ☐☐☐ m

g) 5km 3dam = ☐☐☐ m

Bài 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 15m 4dm = ☐☐☐ dm

b) 4dm 5cm = ☐☐☐ cm

c) 5m 30dm = ☐☐☐ dm

d) 8m 15cm = ☐☐☐ cm

e) 20dm 5mm = ☐☐☐ mm

g) 7m 5dm 30cm = ☐☐☐ cm

Bài 5. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 1 ngày = ☐☐☐ giờ

b) 1 tuần = ☐☐☐ ngày

LIVEWORKSHEETS

c) Tháng 3 = ☐ ngày

d) 2 giờ = ☐ phút

e) Tháng 4 = ☐ ngày

g) 3 phút = ☐ giây

Bài 6. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 2 ngày 4 giờ = ☐ giờ

b) 2 tuần 5 ngày = ☐ ngày

c) 3 phút 34 giây = ☐ giây

d) 2 giờ 42 phút = ☐ phút

e) 3 tuần 6 ngày = ☐ ngày

g) 4 ngày 2 giờ = ☐ giờ

Bài 7. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 8km 60dam = ☐ dam

b) 17hm 80m = ☐ dam

c) 9m 60mm = ☐ cm

d) 12dm 90cm = ☐ dm

e) 8hm 80dm = ☐ m

g) 16m 20cm = ☐ mm

Bài 8. Tính .

a) 8km + 22km = ☐

b) 276dam – 16dam = ☐

c) 52dam + 37dam = ☐

d) 1246cm – 1022cm = ☐

e) 12832m – 2890m = ☐

g) 762hm + 108hm = ☐

Bài 9. Tính .

a) $82918cm^2 + 1002cm^2$ = ☐

b) $9873cm^2 - 353cm^2$ = ☐

c) 32006g + 1727g = ☐

d) 6739g – 1023g = ☐

e) 12656*l* + 3462*l* = ☐

g) 83562*l* – 42130*l* = ☐

LIVEWORKSHEETS

Bài 10. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 3km × 5 = ☐ km

b) 2hm × 6 = ☐ dam

c) 12dm × 4 = ☐ mm

d) 12cm² × 5 = ☐ cm²

e) 178g : 2 = ☐ g

g) 1827*l* × 3 = ☐ *l*

Bài 11. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 6km × 4 = ☐ hm

b) 13m × 5 = ☐ dm

c) 15dm × 3= ☐ cm

d) 142cm² × 6 = ☐ cm²

e) 188g : 2 = ☐ g

g) 602*l* × 3 = ☐ *l*

Bài 12. Điền dấu "> ; < ; =" thích hợp vào ô trống .

a) 3m 50cm ☐ 3m 45cm

b) 2m 40cm ☐ 240cm

c) 1m 10cm ☐ 101cm

d) 5km 4hm ☐ 50dam 400m

e) 17dm 8mm ☐ 180cm

g) 5hm 2m ☐ 600m

Bài 13. Viết tiếp vào chỗ chấm theo mẫu.

Mẫu: $\frac{1}{8}$ của 96m là: 96 : 8 = 12 (m)

a) $\frac{1}{4}$ của 164kg là: ☐

b) $\frac{1}{2}$ của 720dam là: ☐

c) $\frac{1}{5}$ của 375hm là: ☐

d) $\frac{1}{3}$ ngày là: ☐

LIVEWORKSHEETS